



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 –VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtmbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ ₀₁ : Lấy tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (X: 2351446; Y:409269) - KXQ ₀₂ : Lấy tại khu vực phía Tây khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (X: 2351297; Y:408976) - KXQ ₀₃ : Lấy tại khu vực phía Nam khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (X: 2350775; Y:409232)
Phương pháp lấy mẫu	TSP: TCVN 5067: 1995; SO ₂ : TCVN 5971-1995; NO ₂ : TCVN 6137-2009; CO: BG-HDQT; C _x H _y : NIOSH Method 1500; Hơi acid (H ₂ SO ₄): NIOSH Method 7908
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14/3 – 01/4/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả			Phương pháp thử
					KXQ ₀₁	KXQ ₀₂	KXQ ₀₃	
1	Nhiệt độ	°C			25,6	26,2	26,4	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%		-	71,5	71,8	71,7	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s			0,7	0,6	0,6	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26: 2010/BTNMT	70	62,5	62,3	61,1	TCVN 7878-2: 2010
5	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³		300	72,21	72,36	76,56	TCVN 5067: 1995
6	NO ₂	µg/m ³	QCVN 05:2013/ BTNMT	200	KPH	KPH	KPH	TCVN 6137: 2009
7	SO ₂	µg/m ³	(Trung bình 1giờ)	350	51	54	68	TCVN 5971: 1995
8	CO	µg/m ³		30.000	2.430 (LOQ=6.037)	2.003 (LOQ=6.037)	3.283 (LOQ=6.037)	BG-HDPT
9	C _x H _y ^(a)	µg/m ³	QCVN 06:2009/ BTNMT	5000	<1,5**	<1,5**	<1,5**	NIOSH Method 1500
10	Hơi acid (H ₂ SO ₄) ^(a)	µg/m ³	(Trung bình 1giờ)	300	KPH	KPH	KPH	NIOSH Method 7908

Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 –VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtmbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 2/2

(**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

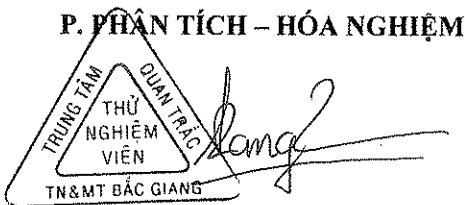
QCVN 05: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

QCVN 06: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

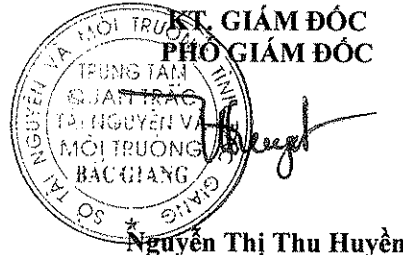
QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Kết quả đo, phân tích 03 mẫu không khí xung quanh tại các thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26: 2010/BTNMT, QCVN 06: 2009/BTNMT và QCVN 05: 2013/BTNMT (trung bình 1 giờ).

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022



Nghiêm Thị Trang



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ ₀₄ : Lấy tại khu vực phía Bắc khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (X: 2352238; Y:408515) - KXQ ₀₅ : Lấy tại khu vực cạnh trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tọa độ (X: 2352291; Y:408899) - KXQ ₀₆ : Lấy tại khu vực cạnh lô A2. Tọa độ (X: 2351020; Y:409399)
Phương pháp lấy mẫu	TSP: TCVN 5067: 1995; SO ₂ : TCVN 5971-1995; NO ₂ : TCVN 6137-2009; CO: BG-HDQT; C _x H _y : NIOSH Method 1500; Hơi acid (H ₂ SO ₄): NIOSH Method 7908
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14/3 – 01/4/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả			Phương pháp thử
					KXQ ₀₄	KXQ ₀₅	KXQ ₀₆	
1	Nhiệt độ	°C			26,3	26,0	25,8	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%			72,9	71,8	71,9	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s			0,6	0,9	0,5	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26: 2010/BTNMT	70	61,6	64,5	62,1	TCVN 7878-2: 2010
5	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1giờ)	300	64,12	59,93	55,74	TCVN 5067: 1995
6	NO ₂	µg/m ³		200	10	KPH	KPH	TCVN 6137: 2009
7	SO ₂	µg/m ³		350	64	70	59	TCVN 5971: 1995
8	CO	µg/m ³		30.000	3.852 (LOQ=6.037)	3.425 (LOQ=6.037)	3.568 (LOQ=6.037)	BG-HDPT
9	C _x H _y ^(a)	µg/m ³	QCVN 06:2009/ BTNMT	5000	93,1	<1,5**	<1,5**	NIOSH Method 1500
10	Hơi acid (H ₂ SO ₄) ^(a)	µg/m ³	(Trung bình 1giờ)	300	KPH	KPH	KPH	NIOSH Method 7908

Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN & MT Bắc Giang.
BM/01 - LBH: 08



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 –VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 2/2

(**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 05: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

QCVN 06: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Kết quả đo, phân tích 03 mẫu không khí xung quanh tại các thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26: 2010/BTNMT, QCVN 06: 2009/BTNMT và QCVN 05: 2013/BTNMT (trung bình 1 giờ).

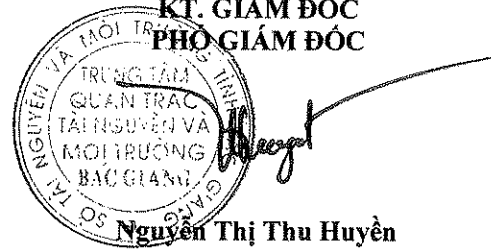
Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022

P. PHÂN TÍCH – HÓA NGHIỆM



Nghiêm Thị Trang

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 –VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtmbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ ₀₇ : Lấy tại khu vực cạnh lô B8. Tọa độ (X: 2351096; Y:409068) - KXQ ₀₈ : Lấy tại khu vực cạnh lô C12. Tọa độ (X: 2351563; Y:408817) - KXQ ₀₉ : Lấy tại khu vực cạnh lô D11. Tọa độ (X: 2351843; Y:408991)
Phương pháp lấy mẫu	TSP: TCVN 5067: 1995; SO ₂ : TCVN 5971-1995; NO ₂ : TCVN 6137-2009; CO: BG-HDQT; C _x H _y : NIOSH Method 1500; Hơi acid (H ₂ SO ₄): NIOSH Method 7908
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14/3 – 01/4/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả			Phương pháp thử
					KXQ ₀₇	KXQ ₀₈	KXQ ₀₉	
1	Nhiệt độ	°C			25,9	25,3	26,2	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%		-	72,8	70,9	71,2	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s			0,6	0,5	0,8	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26: 2010/BTNMT	70	64,5	63,1	62,2	TCVN 7878-2: 2010
5	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1giờ)	300	51,64	47,42	47,57	TCVN 5067: 1995
6	NO ₂	µg/m ³		200	10,67	KPH	KPH	TCVN 6137: 2009
7	SO ₂	µg/m ³		350	65	70	63	TCVN 5971: 1995
8	CO	µg/m ³		30.000	2.430 (LOQ=6.037)	2.430 (LOQ=6.037)	2.287 (LOQ=6.037)	BG-HDPT
9	C _x H _y ^(a)	µg/m ³	QCVN 06:2009/ BTNMT	5000	KPH	KPH	KPH	NIOSH Method 1500
10	Hơi acid (H ₂ SO ₄) ^(a)	µg/m ³	(Trung bình 1giờ)	300	KPH	KPH	KPH	NIOSH Method 7908

Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 2/2

QCVN 05: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

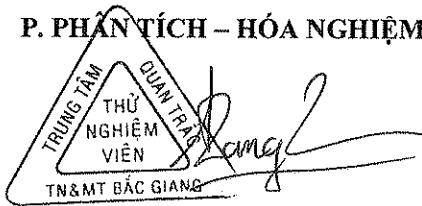
QCVN 06: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhân xét: Kết quả đo, phân tích 03 mẫu không khí xung quanh tại các thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26: 2010/BTNMT, QCVN 06: 2009/BTNMT và QCVN 05: 2013/BTNMT (trung bình 1 giờ).

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022

P. PHÂN TÍCH – HÓA NGHIỆM



Nghiêm Thị Trang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
 Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang - KXQ ₁₀ : Lấy tại khu vực cạnh lô E3. Tọa độ (X: 2351977; Y:408623) - KXQ ₁₁ : Lấy tại khu vực phía Tây khu Đồng Vàng. Tọa độ (X: 2350823; Y:408432)
Phương pháp lấy mẫu	TSP: TCVN 5067: 1995; SO ₂ : TCVN 5971-1995; NO ₂ : TCVN 6137-2009; CO: BG-HDQT; C _x H _y : NIOSH Method 1500; Hơi acid (H ₂ SO ₄): NIOSH Method 7908
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14/3 – 01/4/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả		Phương pháp thử
					KXQ ₁₀	KXQ ₁₁	
1	Nhiệt độ	°C			25,5	26,1	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%			72,3	71,5	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s			0,8	0,7	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26: 2010/BTNMT	70	65,5	67,5	TCVN 7878-2: 2010
5	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1giờ)	300	51,60	39,3	TCVN 5067: 1995
6	NO ₂	µg/m ³		200	KPH	KPH	TCVN 6137: 2009
7	SO ₂	µg/m ³		350	59	69	TCVN 5971: 1995
8	CO	µg/m ³		30.000	2.003 (LOQ=6.037)	2.430 (LOQ=6.037)	BG-HDPT
9	C _x H _y ^(a)	µg/m ³	QCVN 06:2009/ BTNMT (Trung bình 1giờ)	5000	<1,5**	<1,5**	NIOSH Method 1500
10	Hơi acid (H ₂ SO ₄) ^(a)	µg/m ³		300	KPH	KPH	NIOSH Method 7908

Ghi chú: Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN & MT Bắc Giang.
 BM/01 - LBH: 08



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 2/2

(**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

QCVN 05: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

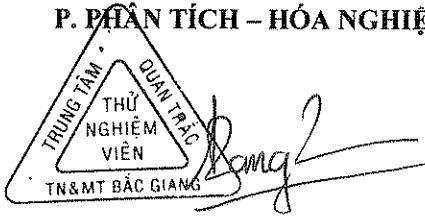
QCVN 06: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhân xét: Kết quả đo, phân tích 02 mẫu không khí xung quanh tại các thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26: 2010/BTNMT, QCVN 06: 2009/BTNMT và QCVN 05: 2013/BTNMT (trung bình 1 giờ).

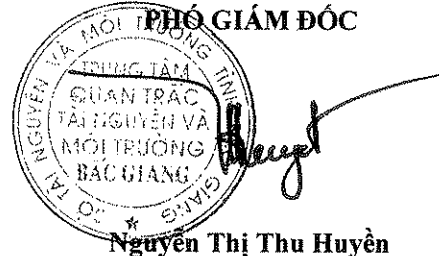
Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022

P. PHÂN TÍCH – HÓA NGHIỆM



Nghiêm Thị Trang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 -VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
 Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/KXQ

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang - KXQ ₁₂ : Lấy tại khu vực phía Nam Khu Đồng Vàng. Tọa độ (X: 2350423; Y:408626) - KXQ ₁₃ : Lấy tại khu vực giữa khu Đồng Vàng. Tọa độ (X: 2350676; Y:408679)
Phương pháp lấy mẫu	TSP: TCVN 5067: 1995; SO ₂ : TCVN 5971-1995; NO ₂ : TCVN 6137-2009; CO: BG-HDQT; C _x H _y : NIOSH Method 1500; Hơi acid (H ₂ SO ₄): NIOSH Method 7908
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14/3 – 01/4/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả		Phương pháp thử
					KXQ ₁₂	KXQ ₁₃	
1	Nhiệt độ	°C			26,3	25,8	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%			71,7	71,6	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s			0,6	0,6	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26: 2010/BTNMT	70	63,8	63,6	TCVN 7878-2: 2010
5	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/m ³	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1giờ)	300	55,89	47,52	TCVN 5067: 1995
6	NO ₂	µg/m ³		200	KPH	KPH	TCVN 6137: 2009
7	SO ₂	µg/m ³		350	68	59	TCVN 5971: 1995
8	CO	µg/m ³		30.000	2.572 (LOQ=6.037)	2.856 (LOQ=6.037)	BG-HDPT
9	C _x H _y ^(a)	µg/m ³	QCVN 06:2009/ BTNMT (Trung bình 1giờ)	5000	<1,5**	<1,5**	NIOSH Method 1500
10	Hơi acid (H ₂ SO ₄) ^(a)	µg/m ³		300	KPH	KPH	NIOSH Method 7908

Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
 BM/01 - LBH: 08



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
 Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/NTCN

Trang: 2/3

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40: 2011 BTNMT, cột A, C _{max}	Kết quả		Phương pháp thử
				NTCN ₀₁	NTCN ₀₂	
18	Crom (III)	mg/l	0,18	0,024	KPH	SMEWW 3030: 2017+ SMEWW 3500.Cr.B: 2017
19	Tổng phenol	mg/l	0,09	0,009	0,004 (LOQ=0,0088)	TCVN 6216B: 1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	0,66 (LOQ=1,1)	0,6 (LOQ=1,1)	SMEWW5520B&F:2017
21	Sunfua*	mg/l	0,18	0,087	KPH	SMEWW 4500-S ² .B&D: 2017
22	Amoni(tính theo N)	mg/l	4,5	16,2	0,31	TCVN 6179-1: 1996
23	Tổng nitơ	mg/l	18	28,3	13,7	TCVN 6638: 2000
24	Tổng photpho (tính theo P)*	mg/l	3,6	1,82	0,63	TCVN 6202: 2008
25	Clorua*	mg/l	450	495,1	387,3	TCVN 6194: 1996
26	Florua	mg/l	4,5	0,093	0,16	TCVN 6494-1:2011
27	Clo dư	mg/l	0,9	0,98	0,44	TCVN 6225-3: 2011
28	Coliform	MPN/ 100ml	3.000	2.200	110	SMEWW 9221B:2017
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a)	Bq/l	0,1	KPH	KPH	TCVN 6053: 2011
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a)	Bq/l	1,0	KPH	KPH	TCVN 6219: 2011
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(a)	mg/l	0,045	KPH	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(a)	mg/l	0,27	KPH	KPH	
33	Tổng PCB ^(a)	mg/l	0,0027	KPH	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620B+ US EPA Method 8270D

*Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.*

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 40: 2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN & MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/NTCN

Trang: 3/3

Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

$C_{max} = C \times K_q \times K_f$, Trong đó:

C_{max} : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại bảng 1 của QCVN 40: 2011/BTNMT.

K_q : Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 40: 2011/BTNMT, (áp dụng hệ số $K_q = 0,9$).

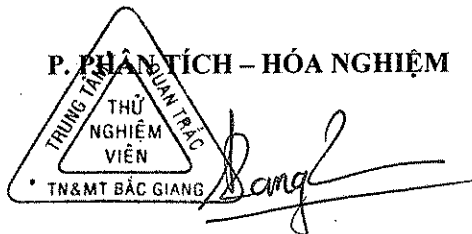
K_f : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 của QCVN 40: 2011/BTNMT.

(F là lưu lượng nguồn thải, áp dụng hệ số $K_f = 1,0$ tương ứng với lưu lượng nước thải $F = 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \leq 5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$).

Nhận xét: Kết quả đo, phân tích mẫu nước thải công nghiệp tại thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy:

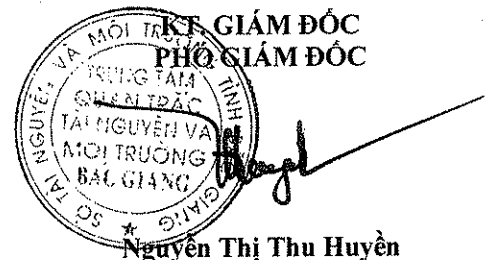
- NTCN₀₁: Thông số BOD₅(20°C) vượt QCVN 1,70 lần. Thông số COD vượt QCVN 1,16 lần. Thông số Chất rắn lơ lửng vượt QCVN 1,4 lần. Thông số Amoni vượt QCVN 3,6 lần. Thông số Tổng Nito vượt QCVN 1,57 lần. Thông số Clorua dư vượt QCVN 1,10 lần. Thông số Clo dư vượt QCVN 1,09 lần. Các thông số đo, phân tích khác đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 40: 2011/BTNMT cột A, C_{max} .

- NTCN₀₂: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 40: 2011/BTNMT cột A, C_{max} .



Nghiêm Thị Trang

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 096 - VILAS 395)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/Đ

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Đất (Đ)				
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang				
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang				
Vị trí lấy mẫu	Lấy tại khu vực xử lý nước thải tập trung. Tọa độ (X: 2352234, Y: 408930)				
Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7538-2: 2005				
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14 – 29/3/2022				
TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 03-MT: 2015/BTNMT (Đất công nghiệp)	Kết quả	Phương pháp thử
1	Đồng (Cu) ^(a)	mg/kg đất khô	300	KPH	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111:2017
2	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/kg đất khô	300	199,53	
3	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/kg đất khô	10	0,24	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113:2017
4	Chì (Pb) ^(a)	mg/kg đất khô	300	0,77	
5	Asen (As) ^(a)	mg/kg đất khô	25	<0,3**	
6	pH ^(a)	-	-	5,7	TCVN 5979: 2007

Ghi chú: (-): Không quy định. KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp; (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

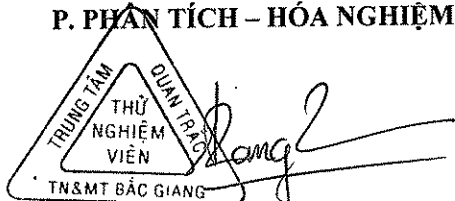
QCVN 03-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu đất tại thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy:

Các thông số phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 03-MT: 2015/BTNMT (đất công nghiệp).

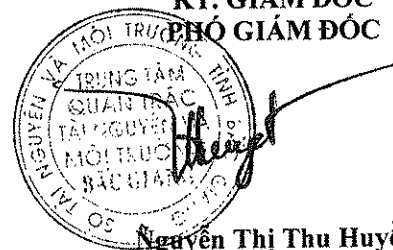
Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022

P. PHÂN TÍCH – HÓA NGHIỆM



Nghiêm Thị Trang

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtmbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/BT

Trang 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Bùn thải (BT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	Lấy tại điểm thu gom bùn dư của trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ (X: 2352186, Y: 408913).
Phương pháp lấy mẫu	TCVN 6663-15:2004
Ngày lấy mẫu: 14/3/2022	Ngày phân tích: 14 – 29/3/2022

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 50: 2013/BTNMT		Kết quả	Phương pháp thử
			Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối H _{tc} (ppm)		
1	pH ^(a)		pH ≥ 12,5 hoặc pH ≤ 2,0		6,5	EPA 3540C&EPA 3545D
2	Thủy ngân (Hg) ^(a)	ppm	4	3,696	KPH	TCVN 8963: 2011+ SMEWW 3112B: 2017
3	Kẽm (Zn) ^(a)	ppm	5000	4.620	6.923,52	TCVN 8963: 2011+ SMEWW 3111B: 2017
4	Niken (Ni) ^(a)	ppm	1400	1.293,6	19,41	
5	Asen (As) ^(a)	ppm	40	36,96	1,13	
6	Crom(Cr) ^(a)	ppm	-	-	103,85	
7	Đồng (Cu) ^(a)	ppm	-	-	519,12	
8	Magie (Mg) ^(a)	ppm	-	-	280,69	
9	Sắt (Fe) ^(a)	ppm	-	-	95,31	

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

Thông số có ký hiệu (a) là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 50: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}) là ngưỡng nguy hại của chất thải tính theo hàm lượng tuyệt đối:

$$H_{tc} = \frac{H \cdot (1 + 19 \cdot T)}{20}$$

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 14/3/22/217/BT

Trang 2/2

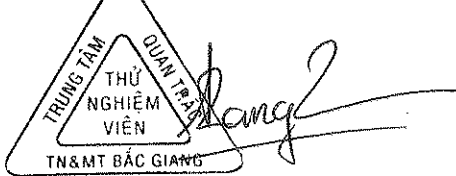
Trong đó: + H (ppm) là giá trị Hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong Bảng 1;
+ T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải (T= 0,92).

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu bùn thải tại thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy:

Thông số Kẽm vượt ngưỡng hàm lượng tuyệt đối H_{tc} so với quy chuẩn 1,5 lần. Các thông số phân tích khác so với QCVN 50: 2013/BTNMT (ngưỡng hàm lượng tuyệt đối H_{tc}) đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép.

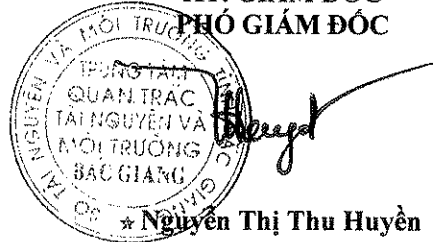
Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022

P. PHÂN TÍCH – HÓA NGHIỆM



Nghiêm Thị Trang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.